



Ảnh Hòa Tấn

Môi trường đầu tư nào cho nguồn tài chính nước ngoài tại Việt Nam?

TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀI

Kiểm soát hành vi trục lợi không những có tác dụng làm giảm chi phí cơ hội đầu tư và làm giảm rủi ro trong đầu tư mà còn có tác động tích cực đến việc nâng cao tính cạnh tranh trong môi trường đầu tư. Những hành vi trục lợi có thể bao gồm tham nhũng, thao túng trong giao dịch do nắm quyền sở hữu công, trục lợi do mối quan hệ thân quen gia đình trong bộ máy. Tham nhũng bản thân của nó là hiện tượng của khu vực công và đơn giản chỉ là lợi dụng quyền lực để mưu lợi cá nhân.

Huy động vốn cho đầu tư: lời giải cho bài toán tăng trưởng

Trong bất kỳ mô thức tăng trưởng nào vốn đầu tư vẫn là một trong những đầu vào then chốt bên cạnh lao động, đất đai và công nghệ. Mặc dù tăng

trưởng cơ bản vẫn xuất phát từ nội lực, nhưng các nguồn tài chính nước ngoài đóng góp rất nhiều cho tăng trưởng ở các nước đang phát triển ở thời kỳ đầu cất cánh. Lợi ích mang lại của các nguồn tài chính nước ngoài không chỉ ở qui mô tiền vốn mà còn ở chỗ tác

động lan toả của nó khi chuyển giao công nghệ, phổ biến kinh nghiệm quản lý hiện đại, thúc đẩy nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước, cải thiện cơ sở hạ tầng và tạo sức ép cải thiện về thể chế.

Huy động nguồn tài chính nước ngoài trong giai đoạn toàn cầu hoá lại mang tính cạnh tranh. Vì lẽ đó mà bất kỳ một quốc gia nào muốn huy động nguồn tài chính nước ngoài thì triết lý kinh tế đơn giản nhất vẫn là phải tạo ra một môi trường hoạt động với chi phí cơ hội cho đầu tư vốn thấp đến mức có thể cạnh tranh với các nước khác. Điều đó có nghĩa là muốn huy động được các nguồn tài chính nước ngoài trong giai đoạn hiện nay thì chúng ta phải nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Tạo ra khả năng cạnh tranh của nền kinh tế liên quan đến việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng không hoàn toàn được hiểu theo nghĩa hẹp khi chỉ bao gồm đường xá, bến cảng, bưu chính viễn thông, hệ thống dịch vụ... Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế được nâng cao chỉ khi nào quốc gia đó cải thiện được các yếu tố quan trọng của cơ sở hạ tầng mềm như hệ thống luật pháp xác lập rõ ràng, ổn định vĩ mô, môi trường làm việc minh bạch, cơ chế khuyến khích và quyền sở hữu được hình thành, khả năng cung cấp dịch vụ công hiệu quả cho các nhà đầu tư. Cơ sở hạ tầng mềm đóng góp rất lớn cho việc cải thiện môi trường đầu tư và từ đó có thể hạ thấp chi phí cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Xu hướng các nguồn tài chính nước ngoài tại các nước đang phát triển

Nguồn tài chính nước ngoài bao gồm vốn phát triển chính thức (Official Development Funds-ODF) và dòng vốn tư nhân. ODF lại bao gồm chủ yếu phần cho vay chính thức giữa các quốc gia và viện trợ (Official Development Aid-ODA), trong đó ODA là một nguồn vốn quan trọng cho các nước đang phát triển trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hoá. Tuy nhiên nguồn ODA hiện nay đang có xu hướng giảm tại các nước đang phát triển vì áp lực cân đối ngân sách của các nước viện trợ và hiệu quả của

việc sử dụng nguồn viện trợ tại các nước đang phát triển. Hiệu quả sử dụng viện trợ lại phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của nền kinh tế bao gồm năng lực hoạt động các thể chế công, hiệu quả chính sách, và tính minh bạch của chính bộ máy chính phủ nước nhận viện trợ. Điều đó có nghĩa là, nguồn ODA sẽ phụ thuộc vào môi trường mà các thể chế và các nhà đầu tư hoạt động, đó là môi trường đầu tư. Trước năm 1990 thì các nước có thể chế công yếu kém nhận 44 USD vốn ODA/người, các nước có thể chế công tốt hơn chỉ nhận 39 USD vốn ODA/người. Tuy nhiên sau năm 1990 thì tình hình đã đảo ngược, nước có thể chế công yếu chỉ nhận 16 USD/người trong khi đó nước có thể chế công tốt hơn nhận 29 USD vốn ODA/người. Như vậy, cải thiện thể chế hoặc cải thiện môi trường đầu tư sẽ ảnh hưởng đến việc huy động vốn ODA.

FDI là một trong những nguồn vốn quan trọng của dòng vốn tư nhân nước ngoài. Điều này càng quan trọng hơn cho các nước đang phát triển khi có sự sụt giảm lớn về qui mô và khi tính cạnh tranh của vốn ODA càng tăng cao. Nhìn chung, FDI tại các nước đang phát triển đang có xu hướng tăng tỉ trọng trong nguồn tài chính nước ngoài. Các nguyên nhân cơ bản là do xu hướng tư nhân hoá ngày càng tăng, công nghệ thông tin và vận chuyển ngày càng tiện lợi, rào cản FDI ngày càng được tháo gỡ và nhu cầu sử dụng nguyên liệu thô và lao động rẻ đối với những nước đã phát triển ngày càng tăng. Một điểm lưu ý ở đây là: FDI di chuyển đến quốc gia nào trên thế giới? Trong những năm gần đây thì tỉ trọng FDI của các nước đang phát triển trong tổng FDI toàn cầu có xu hướng giảm và FDI đặc biệt gia tăng ở những nước có những cải cách tốt về mặt thể chế (World Bank 2001). Hơn 70% FDI tập trung vào những nền kinh tế có thị trường lớn và nền kinh tế có chính sách và môi trường đầu tư thuận lợi. Chỉ riêng ba nước Trung Quốc, Mexico và Brazil chiếm gần một nửa lượng FDI vào các nước đang phát triển. FDI ở Trung Quốc tăng mạnh khi gia nhập WTO, FDI vào Mexico nhiều hơn khi nước này gia nhập NAFTA, và FDI vào Hàn Quốc tăng mạnh sau năm

1997 do nổi lòng rào cản đầu tư tư nhân.

Cho dù đã có quá nhiều nghiên cứu về giải pháp thu hút nguồn lực, chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng Việt Nam đang bắt đầu trở nên khó khăn hơn khi cạnh tranh với các nước trong khu vực huy động các nguồn tài chính nước ngoài. Năm 2004 chúng ta đã đạt ở một ngưỡng khá cao các nguồn vốn nước ngoài như cam kết các nhà tài trợ về ODA là 3,4 tỉ USD, FDI gần 4 tỉ USD. Tuy nhiên để đảm bảo tính bền vững trong việc thu hút và hiệu quả sử dụng các nguồn vốn nước ngoài một cách bền vững thì cần phải có một đánh giá nghiêm túc về môi trường đầu tư tại Việt Nam. Câu hỏi đơn giản là liệu môi trường đầu tư tại Việt Nam đã thực sự cạnh tranh so với các nước trong khu vực trong việc giảm thiểu chi phí cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài?

Những địa phương năng động trước đây trong thu hút FDI như Hà Nội, TP.HCM và các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã trở nên khó khăn hơn so với các địa phương khác. Trên bình diện rộng hơn, việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng trở nên cạnh tranh hơn so với các nước trong khu vực. Vì thế, thu hút vốn đầu tư được chúng ta hình dung là một cuộc chạy marathon không có điểm dừng của nhiều quốc gia trong đường băng quốc tế. Chất xúc tác quan trọng cho từng quốc gia trong cuộc đua này chính là môi trường đầu tư của họ. Như vậy, những nỗ lực cải tiến môi trường đầu tư nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình thu hút vốn đầu tư phải có cái nhìn tương đối. Có nghĩa là những điều chúng ta đang nỗ lực làm thì các nước trong khu vực cũng sẽ làm. Vấn đề ở chỗ nước nào cải thiện môi trường đầu tư nhanh hơn và hiệu quả hơn thì mới có cơ hội vượt qua các nước khác khi thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Chúng ta đã tự hào về thành tích đổi mới ở nhiều lĩnh vực và các nước khác cũng như những tổ chức quốc tế đều công nhận những thành tựu ấy; nhưng trong năm 2004 chúng ta được xếp 17 hạng thấp hơn so với năm trước theo cách tính chỉ số năng lực cạnh tranh; có giả thuyết cho rằng chỉ số

năng lực cạnh tranh chưa phản ánh hết trình độ của một quốc gia, nhưng chúng ta cũng có thể suy giảm một tình huống khác là: chúng ta đã chạy trong đường đua với vận tốc đổi mới nhanh hơn trước đó, nhưng các quốc gia khác còn chạy với vận tốc đổi mới cao hơn.

Môi trường đầu tư cạnh tranh: nền tảng cho nhiều “giải pháp” thu hút vốn

Các nhà đầu tư trên thế giới cũng như trong nước đều đứng trước việc ra quyết định là nên đầu tư ở đâu cho đồng vốn của họ sinh lợi, cho dù đó là vốn ODA hoặc FDI hoặc là các nguồn vốn nước ngoài mang tính thương mại khác. Kinh nghiệm thu hút các nguồn tài chính nước ngoài chỉ ra rằng: quyết định của các nhà đầu tư lại phụ thuộc rất nhiều vào môi trường đầu tư tại các quốc gia mà họ hướng đến. Điều đó có nghĩa là họ sẽ đặt lên bàn hội nghị những thông tin về môi trường đầu tư giữa các nước khác nhau, sau đó lựa chọn một môi trường đầu tư của một nước có tính cạnh tranh nhất. Vì vậy, các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam, nơi thường xuyên nói quá nhiều về “giải pháp” thì giải pháp của mọi giải pháp trong việc thu hút nguồn tài chính nước ngoài vẫn là nỗ lực tạo ra một môi trường đầu tư cạnh tranh nhằm tạo ra một nền kinh tế cạnh tranh trong việc thu hút các nguồn lực quyết định tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo. Điều cần phải hiểu rõ môi trường đầu tư là gì?

“Môi trường đầu tư là tập hợp những yếu tố đặc thù địa phương đang định hình cho các cơ hội và động lực để doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, tạo việc làm và mở rộng sản xuất” (World Bank 2004). Tập hợp những yếu tố đặc thù này bao gồm hai thành phần chính là chính sách của chính phủ và các nhân tố khác liên quan đến qui mô thị trường và ưu thế địa lý. Hai thành phần này sẽ tác động đến ba khía cạnh liên quan đến nhà đầu tư là chi phí cơ hội (Opportunity Costs) của vốn đầu tư, mức độ rủi ro (Investment Risks) trong đầu tư và những rào cản về cạnh tranh trong quá trình đầu tư (Barriers to Competition). Dựa vào việc cân nhắc ba khía cạnh này nhà đầu tư sẽ xác định những cơ hội và

động lực đầu tư đến một quốc gia hay một địa phương nào đó. Tất cả những cải cách chính sách từ phía chính phủ chung qui vẫn là cố gắng tạo ra một môi trường đầu tư ít rủi ro, chi phí cơ hội thấp và ít cản trở nhà đầu tư trong quá trình hoạt động mang tính cạnh tranh của họ. Một môi trường đầu tư tốt là môi trường không chỉ tốt cho các nhà đầu tư nước ngoài, mà còn tốt cho cả các nhà đầu tư trong nước tốt cho cả một cộng đồng. Có nghĩa là nếu như có một môi trường đầu tư tốt cho tất cả mọi người thì phải tạo ra một kịch bản thắng cuộc từ nhiều phía khác nhau (Win-Win Scenario).

Chính sách và hành vi của chính phủ là thành phần quan trọng nhất trong các yếu tố đặc thù của địa phương. Thông qua chính sách và hành vi của mình, chính phủ sẽ tác động rất lớn đến khả năng làm thay đổi chi phí, rủi ro và rào cản cạnh tranh của các nhà đầu tư. Thành phần khác như yếu tố địa lý, qui mô thị trường tác động được coi như là những biến ngoại sinh mà chính phủ chỉ có khả năng tác động giới hạn. Một nước đông dân hơn có khả năng thu hút đầu tư nhiều hơn từ phía cầu thị trường, hoặc một nước nhiều tài nguyên sẽ hấp dẫn tốt hơn các nhà đầu tư từ các nước đã phát triển. Tuy nhiên, cho dù yếu tố địa lý có ưu thế đến đâu đi chăng nữa thì cũng phải thừa nhận một điều rằng vai trò của chính phủ cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra một môi trường đầu tư tốt (Easterly và Levine 2003). Có thể lấy ví dụ là, Singapore và Hồng Kông là những nước qui mô thị trường trong nước nhỏ bé nhưng họ có khả năng rất lớn trong việc thu hút các nguồn tài chính quốc tế; Nhật là một nước ít tài nguyên ngay từ điểm xuất phát nhưng đến nay lại trở thành một nước có khả năng đầu tư ra các nước khác trên thế giới.

Năng lực quản lý của chính phủ sẽ tác động lên môi trường cạnh tranh của các nhà đầu tư thông qua bốn nội dung: Ổn định vĩ mô và an toàn (Macro stability & Security), luật lệ và cách đánh thuế (Regulation & Taxation), tài chính và cơ sở hạ tầng (Finance & Infrastructure), và sau cùng là thị trường lao động (Labor markets). Nếu chính phủ có năng lực

phối hợp tốt bốn nội dung này sẽ có khả năng kiểm soát những hành vi trục lợi từ những viên chức thừa hành nhiệm vụ công, tạo ra một độ tin cậy về sự ổn định của chính sách chính phủ, tranh thủ được sự ủng hộ toàn xã hội, và xây dựng những thể chế hiệu quả can thiệp thất bại thị trường.

Kiểm soát hành vi trục lợi không những có tác dụng làm giảm chi phí cơ hội đầu tư và làm giảm rủi ro trong đầu tư mà còn có tác động tích cực đến việc nâng cao tính cạnh tranh trong môi trường đầu tư. Những hành vi trục lợi có thể bao gồm tham nhũng, thao túng trong giao dịch do nắm quyền sở hữu công, trục lợi do mối quan hệ thân quen gia đình trong bộ máy. Tham nhũng bản thân của nó là hiện tượng của khu vực công và đơn giản chỉ là lợi dụng quyền lực để mưu lợi cá nhân. Tham nhũng lại có quan hệ đồng biến với vị trí của chức vụ, và chỉ có những viên chức chính phủ ở vị trí cao mới có thể hoạch định chính sách. Hệ quả chính sách này sẽ đi ngược với lợi ích của các nhà đầu tư vì chúng đã có cơ hội bị bóp méo và từ đó làm xói mòn niềm tin mọi người. Tham nhũng sẽ tạo ra hệ quả cuối cùng là phải đối diện với pháp luật nhưng thao túng trong giao dịch thì lại khó phát hiện. Con đường của thao túng phát sinh do chủ nghĩa quen biết và hoạt động theo kiểu gia đình. Thao túng được tiếp cận qua những hành vi vận động hành lang (lobby). Những nhóm thao túng sẽ tiếp cận được với những nhà làm chính sách và có khả năng tiếp cận được nhiều thông tin hơn đối với việc tiêm đoạt các nguồn lực trong xã hội. Cạnh tranh giữa các nhà đầu tư vì thế mà trở nên không bình đẳng.

Tạo ra độ tin cậy về sự ổn định chính sách của chính phủ rất cần thiết cho những định hướng đầu tư của các nhà đầu tư. Điều này bởi lẽ khi nhà đầu tư ra quyết định sẽ không chỉ dựa vào những luật lệ và qui định hiện tại của chính phủ nước mình đầu tư, họ còn dự báo tính ổn định và nhất quán những luật lệ và qui định này trong tương lai như thế nào. Sự không chắc chắn về hành vi và chính sách của chính phủ sẽ khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài trở nên nghi ngờ vì bất kỳ một dự án đầu tư nào cũng được mong

đợi duy trì một cách ổn định và hiệu quả trong suốt vòng đời dự án. Theo Caballero (1999) thì việc chính phủ nỗ lực giảm thiểu sự không chắc chắn của chính sách sẽ khuyến khích các dòng vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn là giảm lãi suất hiện hành. Việc giảm lãi suất hiện hành chỉ làm giảm chi phí cơ hội của đầu tư nhưng đồng thời cũng nâng cao tính kỳ vọng về lợi ích của tương lai của dòng vốn đầu tư, mà tương lai thì không mấy ai chắc chắn. Do đó nếu không có một sự đảm bảo sự nhất quán và ổn định của chính phủ trong các quyết định chính sách thì cho dù một nước giảm lãi suất thấp hơn các quốc gia khác nhưng nếu có những bất định về chính sách thì cũng không thể huy động được dòng tài chính nước ngoài.

Tạo ra niềm tin của toàn xã hội về năng lực quản lý của chính phủ cũng có tác động đến việc huy động vốn đầu tư nước ngoài. Chính phủ có khả năng tác động đến hai yếu tố tạo ra niềm tin của toàn xã hội. Trước hết tạo ra một môi trường đầu tư tốt hơn nhưng không thiên lệch về một nhóm thiểu số nào, môi trường này phải mang tính bình đẳng cho toàn xã hội, cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nhà nước và tư nhân. Kế đến là tăng cường tính minh bạch giữa chính phủ và các nhà đầu tư để có cơ sở giảm sự e ngại của các nhà đầu tư về các hành vi tham nhũng và trục lợi. Ví dụ về Nigeria, một nước dẫn đầu trong việc tăng cường tính minh bạch trong các nguồn thu từ dầu khí và các nguyên tắc luật lệ áp dụng kể từ năm 2003, dựa vào đó chính phủ Nigeria cũng khuyến khích được các công ty dầu khí nước này công bố các khoản chi phí và doanh thu cho các công ty kiểm toán độc lập. Các ngành khai thác tài nguyên của các nước khác như Argentina, Braxin, Panarama và Peru cũng nâng cao tính minh bạch bằng cách công bố các hợp đồng của họ lên trang Web. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng như toàn xã hội sẽ đánh giá tính minh bạch của chính phủ thông qua cách thức quản lý ở các ngành kinh tế khai thác tài nguyên như dầu khí, và cơ sở hạ tầng như bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, điện nước và xăng dầu. Đây là những ngành kinh

tế nhạy cảm và có nhiều cơ hội tạo ra tính độc quyền trong khai thác, tạo ra những rào cản cho một môi trường đầu tư cạnh tranh. Ngoài ra những kẻ hở quản lý và chính sách từ phía chính phủ đối với các ngành này sẽ tạo điều kiện cho việc tìm kiếm lợi ích sai lệch (rent seeking), điều này cũng làm các nhà đầu tư nản chí.

Xây dựng các thể chế công hiệu quả nhằm khắc phục các thất bại thị trường cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Phân cấp trong thu hút đầu tư và tăng cường năng lực điều hành của chính phủ địa phương, xây dựng một chính phủ điện tử là ba cách tiếp cận để tạo ra các thể chế hiệu quả. Chính phủ trung ương có thể thiết kế các chính sách tốt đẹp nhưng chính phủ địa phương sẽ lại là chủ thể thực hiện những chính sách này. Chính phủ địa phương lại bao gồm nhiều thể chế khác nhau và những khuyết điểm của từng thể chế có thể làm nản lòng các nhà đầu tư. Năng lực của các thể chế địa phương bị giới hạn trong quá trình triển khai chính sách. Giới hạn này bao gồm cán bộ tác nghiệp yếu kém, thể chế thiếu thông tin, thể chế không được dân chúng và các nhà đầu tư ủng hộ do những hành vi thao túng trục lợi và việc cung cấp dịch vụ công kém hiệu quả. Chính phủ trung ương có thể tạo ra những phân cấp cho chính phủ địa phương trong quá trình thu hút vốn đầu tư. Sự phân cấp này tạo ra lợi ích là chính phủ địa phương dễ dàng tiếp cận nhanh chóng với các nhà đầu tư. Nhưng cũng chính sự phân cấp này lại tạo ra một chi phí lớn đó là khả năng kiểm soát cân đối lợi ích quốc gia sẽ bị yếu đi khi mà các địa phương khuyến khích các nguồn đầu tư theo kiểu "tâm lý bầy đàn". Có nghĩa là từng địa phương có nhiều dự án đầu tư hơn do phân cấp, nhưng có thể tổng hợp các dự án đầu tư này đã làm mất cân đối giữa cung và cầu trong tiêu thụ sản phẩm cũng như nguồn lực ở phạm vi quốc gia. Như vậy một thể chế hiệu quả cấp địa phương yêu cầu vừa phải triển khai tốt các chính sách khuyến khích đầu tư của chính phủ trung ương và đồng thời phù hợp với các điều kiện đặc thù của địa phương.

Tăng cường năng lực điều hành của chính phủ địa phương sẽ góp phần

nâng cao chất lượng dịch vụ công cung cấp cho toàn xã hội trong đó có các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này càng trở nên quan trọng hơn khi chúng ta bắt đầu chuyển hướng thu hút FDI về giáo dục và nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin. Như vậy một thể chế địa phương hiệu quả trước hết phải có những viên chức tác nghiệp có kỹ năng, đảm bảo tính chuyên nghiệp và luôn đề cao tinh thần trách nhiệm vì một quốc gia phát triển. Những viên chức này đủ khả năng thực hiện các giao dịch với các đối tác đầu tư nước ngoài theo một tiêu chuẩn mang tính quốc tế và đồng thời họ có thể phối hợp hiệu quả đội ngũ tư vấn trong và ngoài nước. Như vậy, các viên chức thuộc các thể chế địa phương cần phải được tuyển chọn công khai, cạnh tranh, minh bạch bằng các tiêu chuẩn cụ thể. Khó có thể chấp nhận lâu dài một tình trạng tuyển dụng dựa vào cơ chế thân quen và các lá thư tiến cử kiểu gia đình. Bởi vì điều này sẽ làm tăng các nguy cơ thất bại khi thực hiện các chính sách thu hút vốn đầu tư khi các viên chức của thể chế địa phương thiếu tính chuyên nghiệp. Khi viên chức thể chế địa phương yếu chuyên môn sẽ không đủ năng lực xử lý thông tin liên quan đến các nhà đầu tư. Các viên chức yếu kém từ thể chế địa phương do được bảo đảm bằng uy tín của các viên chức cao hơn vì mối quan hệ ràng buộc sẽ có khả năng bóp méo các chính sách trung ương nhằm trục lợi và thao túng các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư có ưu thế cũng dựa vào sự nhiễu nhiễu này ngăn cản các nhà đầu tư khác.

Kỳ vọng về một chính phủ điện tử cũng có cơ hội cải thiện môi trường đầu tư vì chính phủ này có khả năng cung cấp các dịch vụ công cho các nhà đầu tư với chi phí thấp nhất và minh bạch nhất. Kỳ vọng này rất có cơ sở trong điều kiện Việt Nam khi xét đến tiến bộ của công nghệ thông tin trong thời đại hiện nay. Sáng kiến về chính phủ điện tử đã thực hiện tại Singapore từ gần nửa thập kỷ trước đây. Sáng kiến này đã làm giảm thời gian xin cấp phép đầu tư từ hai ngày xuống còn hai giờ đồng hồ và giảm chi phí hình thành một công ty từ mức cao nhất là 20.000 USD xuống còn 175 USD (Tan 2004).

Nếu chúng ta cho rằng Singapore là một mục tiêu xa vời thì chúng ta hãy nhìn kinh nghiệm của Ấn Độ. Nước này đã sử dụng hệ thống đăng ký quyền sử dụng đất bằng thư điện tử online một cửa. Cụ thể là họ đã trang bị những ki-ốt điện tử để người dân có thể đến đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mức phí giao dịch cho mỗi một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm từ 220 USD xuống còn 0,32 USD và thời gian cấp giấy giảm từ 30 ngày xuống còn 30 phút (Bhatnagar 2002)

Việt Nam đã được đánh giá rất cao về an toàn và ổn định vĩ mô do vậy chính phủ cũng như toàn xã hội hoàn toàn có điều kiện tiến hành những hiệu chỉnh cần thiết về luật pháp, cách đánh thuế, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thị trường tài chính và thị trường lao động. Đã có quá nhiều thảo luận về kiểm soát các hành vi trục lợi, củng cố niềm tin của toàn xã hội và các nhà đầu tư đối với năng lực điều hành của các cấp chính phủ, xây dựng thể chế công hiệu quả, kỳ vọng về chính phủ điện tử... Tất cả những chủ đề này đang được chúng ta nỗ lực thực hiện với mong đợi tạo ra một môi trường đầu tư cạnh tranh nhằm thu hút mọi nguồn lực trong xã hội và các nguồn tài chính nước ngoài. Điểm quan trọng ở đây là mọi nỗ lực nhiều phía đều chỉ đạt được kết quả tương đối khi so sánh với các nước khác, vì vậy tạo môi trường cạnh tranh thu hút vốn đầu tư là một cuộc đua của toàn xã hội mang tính dài hạn ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Caballero, Ricardo J (1999), "Aggregate Investment."
2. World Bank (2001), "Tài chính phát triển toàn cầu".
3. World Bank (2004), "Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người", Báo cáo phát triển thế giới 2005.
4. Easterly, William, và Ross Levine (2003), "Tropics, Germs and Crops: How Endowments Influence Economic Development." *Journal of Monetary Economics* 50(1):3-39.
5. Tan, Eng Pheng (2004), "The Singapore E-Government Experience." Paper presented at the I Foro Internacional: Hacia una Sociedad Digital. Panam City, Panam. April 6.
6. Bhatnagar, Subnash, và Rajeb Chawla (2004), "Bhoomi: Online Delivery of Land Titles in Karnataka, India." Ahmedabad Indian Institute of Management and Government of Karnataka. Ahmedabad, India and Karnataka, India. Processed.